

Số: /QĐ-UBND-HC

Tam Nông, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về công tác
Thi đua, Khen thưởng huyện Tam Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;*

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND.HC ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định công tác Thi đua, Khen thưởng của tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn huyện Tam Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/QĐ-UBND.HC ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc ban hành Quy định công tác Thi đua, Khen thưởng của huyện Tam Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện, Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện, các đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NCVX^{Vinh+Tác}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam

QUY ĐỊNH

Về công tác Thi đua, Khen thưởng của huyện Tam Nông
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND-HC ngày /8/2020
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định: những quy định chung; hình thức tổ chức thi đua, loại hình khen thưởng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng (*viết tắt là TĐKT*), Hội đồng Xét duyệt sáng kiến; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định trao tặng, quy trình, thủ tục hồ sơ; Quỹ Thi đua, Khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể; tước và phục hồi danh hiệu; điều khoản thi hành.

Việc xét tặng các danh hiệu, các hình thức vinh danh khác của Tỉnh, Huyện có sau Quy định này sẽ có hướng dẫn bổ sung. Các nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; hộ gia đình và mọi công dân trong huyện, ngoài huyện, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của huyện, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tam Nông được khen thưởng theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao hơn; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo (người đứng đầu ở cấp xã bao gồm: Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân). Không xét khen thưởng cho Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị, địa

phương khi thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thuộc các Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức (trong xét khen thưởng thành tích theo chuyên đề); khen thưởng công tác đặc thù chỉ xét khen cho những tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

3. Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận. Cụ thể:

a) Đối với khen thưởng cho cá nhân mà Luật Thi đua, khen thưởng quy định: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ,... là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hiện hành. Đối với cá nhân không thuộc đối tượng quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương thống nhất khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

b) Đối với khen cho tập thể quy định: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.... Cụ thể:

- Đối với các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện, doanh nghiệp đóng trên địa bàn Huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã do Thủ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương thống nhất đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và đề nghị khen thưởng (thể hiện trong Biên bản họp).

- Đối với các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia Khối, Cụm thi đua huyện thì do tập thể Khối, Cụm thi đua nhận xét, đánh giá, chấm điểm thi đua, khen thưởng và thống nhất trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện cho ý kiến, trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định (thể hiện trong Biên bản họp).

c) Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thì tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội phải được đánh giá đủ điều kiện, tiêu chuẩn “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; đối với cá nhân là đảng viên được đánh giá từ mức đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (mức 2 trở lên).

4. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, thẩm định đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi có thông báo nghỉ hưu.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính sau thời gian lập được thành tích ghi trong Quyết định khen thưởng lần trước. Đối với Quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành Quyết định khen thưởng lần trước. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu

chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (*kết quả khen thưởng thành tích theo phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng*).

6. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó, không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng. Khen tổng kết phong trào thi đua thường xuyên hàng năm, không được vừa đề nghị tặng Bằng khen, vừa đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc không vừa đề nghị danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, vừa đề nghị Bằng khen cấp tỉnh. Tương tự đối với các hình thức khen cấp Nhà nước (*trừ khen thưởng đợt xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn*).

7. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoặc các cơ quan báo chí đăng tin bài phản ánh dấu hiệu vi phạm đang được xác minh làm rõ.

Không đề nghị Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho các tập thể hoặc cá nhân khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo,... Trừ trường hợp đặc biệt do các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện có Kế hoạch hoặc có ý kiến thống nhất khen thưởng bằng văn bản (do đơn vị, địa phương xin ý kiến).

Không đề nghị Ủy ban nhân dân huyện công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn huyện Tam Nông (chỉ xét, tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương tham gia Khối, Cụm thi đua của huyện).

8. Cá nhân được chuyển, luân chuyển, điều động đến cơ quan, đơn vị mới, nếu có hành vi bị xử lý kỷ luật ở cơ quan, đơn vị cũ thì tập thể ở đơn vị mới mà đồng chí đó công tác, nếu đủ tiêu chuẩn thì vẫn được xem xét đề nghị khen thưởng. Hoặc cơ quan, đơn vị mà cá nhân chuyển đến trong năm được đánh giá ở mức không hoàn thành tốt nhiệm vụ; cá nhân được chuyển, luân chuyển, điều động đến cơ quan, đơn vị mới nếu đủ điều kiện thì vẫn xem xét khen thưởng.

Điều 4. Đăng ký thi đua

1. Trưởng các Khối, Cụm thi đua do Ủy ban nhân dân huyện thành lập: tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phân đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua cho các đơn vị thành viên trong khối, cụm và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua về Phòng Nội vụ **trước ngày 15/2 hàng năm**.

2. Đối với phong trào thi đua theo đợt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động trong một thời gian ngắn, nhằm hoàn thành kế hoạch những nhiệm vụ trọng tâm, đợt xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định, thì việc đăng ký thi

đua, đánh giá, tổng kết phong trào thi đua gắn với việc tổng kết nhiệm vụ công tác năm thi đua.

3. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động: trên cơ sở kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua các xã, thị trấn; các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, ... xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phấn đấu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi về Phòng Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

4. Đối với các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do các ngành, địa phương phát động: trên cơ sở kế hoạch của ngành, của địa phương có đầy đủ các nội dung gửi về Phòng Nội vụ **sau 05 ngày** làm việc kể từ ngày triển khai kế hoạch.

Điều 5. Tỷ lệ khen thưởng

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng không quá 15% tổng số cá nhân đạt Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh (tập thể, cá nhân) được đề nghị xét tặng cụ thể như sau:

- Nếu hoạt động thi đua năm của Ủy ban nhân dân huyện trong Cụm thi đua số 3 tỉnh được suy tôn Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Huyện được xét, đề nghị khen thưởng không quá 50% số tập thể, cá nhân đủ điều kiện theo quy định.

- Nếu hoạt động thi đua năm của Ủy ban nhân dân huyện trong Cụm thi đua số 3 tỉnh được suy tôn Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Huyện được xét, đề nghị khen thưởng không quá 40% số tập thể, cá nhân đủ điều kiện theo quy định.

- Nếu hoạt động thi đua năm của Ủy ban nhân dân huyện trong Cụm thi đua số 3 tỉnh không được suy tôn Cờ hoặc Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Huyện được xét, đề nghị khen thưởng không quá 30% số tập thể, cá nhân đủ điều kiện theo quy định.

Tỷ lệ này áp dụng cho tất cả các đơn vị phòng, ban, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

3. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo:

a) Bằng khen cấp Tỉnh đối với cá nhân:

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện được ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh xếp:

- Từ hạng 1 đến hạng 3: xét không quá 5% trong tổng số cán bộ, giáo viên của toàn Huyện.

- Từ hạng 4 đến hạng 6: xét không quá 4% trong tổng số cán bộ, giáo viên của toàn Huyện.

- Từ hạng 7 đến hạng 9: xét không quá 3% trong tổng số cán bộ, giáo viên của toàn Huyện.

- Từ hạng 10 đến hạng 12: xét không quá 2% trong tổng số cán bộ, giáo viên của toàn Huyện.

** Số lượng cán bộ, giáo viên của toàn Huyện được thể hiện trong Biên bản họp xét thi đua, khen thưởng*

b) Bằng khen cấp Tỉnh đối với tập thể và Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: ngành Giáo dục và Đào tạo huyện được ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh xếp:

- Từ hạng 1 đến hạng 3: xét không quá 50% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Từ hạng 4 đến hạng 6: xét không quá 40% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Từ hạng 7 đến hạng 9: xét không quá 30% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Từ hạng 10 đến hạng 12: xét không quá 20% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

Chương II
HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA;
LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG;
HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN;
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP
Mục 1
HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA;
LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua được phát động và tổ chức theo năm kế hoạch, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị và tổ chức. Thi đua thường xuyên chính là việc thực hiện có hiệu quả những công việc và nhiệm vụ chuyên môn hàng ngày.

Đối tượng tham gia thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị và tổ chức; hoặc giữa các cơ quan, đơn vị và tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng (theo Khối, Cụm thi đua).

Cơ quan, đơn vị và tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên ngay từ đầu năm và phải có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện. Đối tượng tham gia phong trào thi đua thường xuyên phải đăng ký chỉ tiêu thi đua (đăng ký tham gia phong trào thi đua thường xuyên).

Kết thúc năm công tác, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tổ chức tiến hành tổng kết và bình xét các Danh hiệu thi đua, đề xuất hình thức khen thưởng

các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức và triển khai thực hiện các phong trào thi đua thường xuyên.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, đợt xuất trong khoảng thời gian nhất định và được phát động khi đã xác định rõ chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung, biện pháp và thời gian thực hiện.

Thi đua theo chuyên đề có thể tổ chức với quy mô rộng lớn (trong phạm vi cấp xã, cấp ngành hoặc cả Huyện). Khi tiến hành sơ, tổng kết thi đua chỉ thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

Điều 8. Yêu cầu tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị để đề ra các mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và biện pháp thi đua cụ thể; tập trung phần đầu hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ; đảm bảo thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và tổ chức; khả năng tham gia của quần chúng, người lao động.

2. Phong trào thi đua cần hướng về cơ sở và người lao động trực tiếp, cần có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Chú trọng làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của phong trào thi đua; cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác tham gia của mỗi cá nhân.

3. Coi trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, sơ kết rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng đối với các phong trào thi đua có quy mô lớn, tầm ảnh hưởng rộng, nhiều đối tượng tham gia.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua. Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng, phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua.

5. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua

tiên hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua.

6. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức phong trào thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức, lãng phí trong tổ chức phong trào thi đua.

Điều 9. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận. Là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực (Đông Nam Á; Châu Á; Châu Âu;...) hoặc thế giới tặng thưởng Huy chương, Giải thưởng, Giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

Đơn vị, địa phương có tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

SÁNG KIẾN; HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 10. Sáng kiến

Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do bộ, ban, ngành, tỉnh, huyện thực hiện theo các quy định hiện hành.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài sáng kiến kinh nghiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

Đề tài sáng kiến kinh nghiệm để làm căn cứ xét, tặng Danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá mức đạt trở lên.

Đối tượng được công nhận có đề tài sáng kiến kinh nghiệm để làm căn cứ xét Danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài sáng kiến kinh nghiệm để xét, tặng Danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp Tỉnh thì xét, tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài sáng kiến kinh nghiệm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

Điều 11. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

Trong năm Hội đồng sáng kiến cấp huyện ít nhất có 03 lần họp xét công nhận sáng kiến, để đáp ứng kịp thời cho việc xét công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

1. Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp huyện: không quá 13 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Ủy viên và Thư ký Hội đồng.

2. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Điều 12. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Cơ cấu Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
- Phó Chủ tịch Hội đồng tối đa 03 Phó Chủ tịch, gồm: lãnh đạo Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện.

- Các thành viên Hội đồng có từ 10 đến 11 thành viên là lãnh đạo đại diện một số phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

- Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

- Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của địa phương để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Mục 1

DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b, khoản này đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng”.

Theo quy định công nhân, nông dân, người lao động phải đăng ký thi đua. Tuy nhiên, cá nhân tích cực tham gia các phong trào thi đua cơ quan, đoàn thể phát động và đảm bảo các tiêu chuẩn; nhưng vì lý do khách quan mà không đăng ký thi đua, thì tùy điều kiện cụ thể có thể được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường

hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Sáng kiến đối với nông dân do Hội đồng sáng kiến cấp huyện công nhận. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nông dân cư trú đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” cho nông dân.

Trên thực tế có trường hợp nông dân chưa được bình bầu là “Lao động tiên tiến” nhưng có sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao thì được đề nghị đặc cách công nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Lưu ý: Cán bộ, công chức, viên chức để được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thì phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 16. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau

1. Tiêu chuẩn:
 - a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao trong năm;
 - b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
 - c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
 - d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Được xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau:
 - a) Phòng, ban, cơ quan trực thuộc UBND huyện; cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội huyện; các Hội đặc thù; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
Ví dụ, Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh thuộc Phòng Văn hoá và Thông tin là đơn vị sự nghiệp, đơn vị này không là đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.
 - b) Các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học;

2. Được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước;

3. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng hàng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 19. Cờ thi đua cấp tỉnh

1. Tiêu chuẩn:
 - a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;
 - b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng: các tập thể được Khôi, Cụm thi đua tỉnh bình xét, suy tôn và các trường hợp khác UBND tỉnh có quy định riêng.

3. Căn cứ hướng dẫn của Sở Nội vụ, phòng Nội vụ huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quy định phân chia Khôi, Cụm thi đua trong huyện.

Điều 20. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Tiêu chuẩn:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tỉnh (tỷ lệ không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp tỉnh).

b) Tỉnh dẫn đầu các Cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức (tỉnh Đồng Tháp tham gia Cụm thi đua 12 tỉnh Tây Nam bộ).

c) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên (có hướng dẫn riêng của trung ương).

Mục 2

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân, tập thể và gia đình lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Tiêu chuẩn:

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Giấy khen để tặng cho gia đình quy định tại khoản 4 Điều 76 của Luật thi đua, khen thưởng (bổ sung Luật 2013).

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp từ 5 đến 20 triệu đồng.

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp từ trên 20 đến 50 triệu đồng.

4. Giấy khen của UBND huyện được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt giải khuyến khích cấp quốc gia; giải ba khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhì, giải ba chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất).

Đối với các Đội thi đấu thể thao hoặc Đội văn nghệ tham gia đạt Giải thì được tính là tập thể để khen thưởng.

5. Cá nhân, tổ chức trong, ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển huyện, xã (khen đối ngoại). Mức đóng góp quy ra giá trị tương đương từ 20 đến dưới 50 triệu đồng.

Đối với tập thể là doanh nghiệp: có mức đóng góp từ 50 đến dưới 100 triệu đồng.

Tập thể, cá nhân vận động tổ chức, cá nhân khác đóng góp từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong năm).

6. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua chuyên đề, đột xuất.

7. Tỷ lệ khen thưởng:

7.1. Sơ, tổng kết phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) từ 03 đến 05 năm:

a) Sơ kết: Đề nghị không quá 05 tập thể, cá nhân.

b) Tổng kết: Đề nghị khen không quá 10 tập thể, cá nhân.

7.2. Sơ, tổng kết phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) trên 05 năm:

a) Sơ kết: Đề nghị không quá 15 tập thể, cá nhân.

b) Tổng kết: Đề nghị khen không quá 20 tập thể, cá nhân.

7.3. Đối với một số phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) hàng năm do UBND huyện tổng kết và phát động thi đua, số lượng đề nghị khen thưởng không

quá 05 tập thể và 10 cá nhân (hoặc tùy tính chất đặc thù của một số chuyên đề thi đua, số lượng khen thưởng được quy định riêng).

7.4. Các kỳ Đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp huyện:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: tối đa 05 tập thể và 15 cá nhân.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội (Liên hiệp Phụ nữ huyện; Liên đoàn Lao động huyện; Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM huyện; Hội Cựu Chiến binh huyện; Hội Nông dân VN huyện): tối đa 05 tập thể và 10 cá nhân.

c) Các tổ chức xã hội nghề nghiệp (kể cả đơn vị không được tham gia Khôi thi đua của huyện): tối đa 01 tập thể và 03 cá nhân.

7.5. Kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp: tối đa 05 tập thể và 10 cá nhân.

Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng trong các kỳ đại hội, kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong suốt nhiệm kỳ trước và không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

7.6. Kỷ niệm ngày thành lập cơ quan, đơn vị từ 10, 20, 30 năm...

a) Kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện (hoặc tương đương), các xã, thị trấn: *Đề nghị khen không quá 05 tập thể, cá nhân.*

b) Kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan Hội đặc thù cấp huyện: *Đề nghị khen không quá 05 tập thể, cá nhân.*

Trong 05 năm gần nhất, tập thể và cá nhân đó được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không vi phạm chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

7.7. Đối với phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương: Xem xét, khen thưởng theo thẩm quyền (UBND huyện không khen).

7.8. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

7.9. Ngoài ra, tùy vào tình hình thực tiễn Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện sẽ Quyết định nội dung, hình thức và số lượng khen thưởng khác trong phạm vi thẩm quyền.

Lưu ý: các cơ quan, đơn vị khi xây dựng Kế hoạch phát động thi đua chuyên đề (thi đua theo đợt) có dự trù chỉ tiêu khen thưởng thì phải phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện (phòng Nội vụ) để thống nhất số lượng khen thưởng phù hợp với Quy định này trước khi trình UBND huyện ký ban hành.

Điều 22. Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh

Tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Tập thể, cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng thành tích đột xuất).

Đối với các Đội thi đấu thể thao hoặc Đội văn nghệ tham gia đạt Giải thì được tính là tập thể để khen thưởng. Ví dụ: Đội bóng đá U15 đạt Giải nhất toàn quốc thì được UBND tỉnh tặng Bằng khen (tùy đóng góp cụ thể mà có xem xét tặng Bằng khen cho một số cá nhân tiêu biểu nhất).

Giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh là do Ủy ban nhân dân Tỉnh là Trưởng ban Tổ chức giải thưởng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức giải thưởng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức giải thưởng hoặc ký ban hành Điều lệ (Thẻ lệ) giải thưởng hoặc các văn bản chỉ đạo khác của tỉnh.

2. Cá nhân, tổ chức trong, ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh (khen đối ngoại). Mức đóng góp quy ra giá trị tương đương từ 50 triệu đồng trở lên.

Đối với tập thể là doanh nghiệp: có mức đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên.

Tập thể, cá nhân vận động tổ chức, cá nhân khác đóng góp từ 01 tỷ đồng trở lên (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong năm).

3. Đơn vị được bình bầu, suy tôn trong Khôi, Cùm thi đua của Tỉnh.

4. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

5. Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

6. Cá nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

7. Tập thể 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

8. Gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; mức đóng góp từ trên 50 đến dưới 500 triệu đồng.

9. Tỷ lệ khen thưởng: thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 22, Quyết định 209/QĐ-UBND.HC ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 23. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng Giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện.

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp tỉnh.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp 500 triệu đồng trở lên (đối với tổ chức là doanh nghiệp, cá nhân là chủ doanh nghiệp; mức đóng góp từ 01 tỷ đồng trở lên, đóng góp một lần hoặc cộng dồn trong năm).

Điều 24. Huân chương Lao động hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được tỉnh công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 04 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được bộ, ban, ngành trung ương công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ban, ngành trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và phổ biến học tập nêu gương toàn quốc được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 25. Huân chương Lao động hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành trung ương, được tỉnh công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành trung ương tỉnh và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được cấp tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 26. Huân chương Lao động hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành, trung ương, tỉnh công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới.

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Công nhân có 02 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh và được cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh, công nhận; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ **03 năm** trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp huyện công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh và 01 Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Huân chương Độc lập các hạng, Huy hiệu tỉnh, Kỷ niệm chương, danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng khác không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRAO TẶNG; QUY TRÌNH XÉT CHỌN; TUYỂN TRÌNH; THỦ TỤC HỒ SƠ

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ QUY TRÌNH XÉT CHỌN

Điều 27. Thẩm quyền quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương tham gia phong trào thi đua của tỉnh. *Tỉnh không ban hành Quyết định tặng Cờ thi đua cấp tỉnh đối với tập thể đủ tiêu chuẩn được chọn để tặng Cờ thi đua của Chính phủ.*

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân **cấp huyện** quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và “Giấy khen”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại ợp tác xã trong các ngành nghề, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại,...do Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, Giấy khen.

Điều 28. Thẩm quyền trao tặng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua.

2. Việc tổ chức và trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh những điển hình tiên tiến, do vậy phải tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa, nêu gương. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý vào hội nghị sơ kết, tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép vào các hội nghị có nội dung liên quan, để tiết kiệm thời gian và chi phí (thay văn bản uỷ quyền).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền và được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước uỷ quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý bằng Lễ trao phần thưởng cao quý của Nhà nước; hoặc vào hội nghị sơ kết, tổng kết năm công tác của tỉnh hoặc lồng ghép vào các hội nghị có nội dung liên quan để tiết kiệm thời gian và chi phí (thay văn bản uỷ quyền).

Điều 29. Quy trình xét khen thưởng

1. Các bước tiến hành

a) Đối với tập thể nhỏ và đơn vị cơ sở (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị ngành huyện*):

- Tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức xét chọn, bình bầu những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác (Đối chiếu với các tiêu chuẩn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng và Qui định này). Đối tượng đủ tiêu chuẩn trình khen phải được **2/3** tổng số cán bộ, công nhân viên biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Số người tham gia cuộc họp bình xét phải đạt từ **80%** tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong tập thể.

- Lập biên bản kết quả bình xét; đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương xét trình Thủ trưởng đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

b) Đối với tập thể có quy mô lớn (*Ủy ban nhân dân huyện*):

- Trên cơ sở kết quả bình xét của các tập thể nhỏ và các đơn vị cơ sở, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện tiến hành họp xem xét, bình chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua, hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng (lập biên bản kết quả bình xét).

- Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng phải được **2/3** thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Cuộc họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương phải có mặt ít nhất **70%** tổng số thành viên Hội đồng.

c) Trên cơ sở bình xét của các đơn vị, địa phương trong huyện, Phòng Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ và thực hiện theo quy trình.

2. Quy trình xét khen thưởng cấp huyện, tỉnh

a) Đối với khen thưởng thường xuyên: Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Phòng Nội vụ thẩm định tiêu chuẩn, trình trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận các danh hiệu, gồm: tập thể “Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trình Tỉnh công nhận các danh hiệu thi đua khác theo quy định như: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

b) Đối với khen thưởng thành tích theo chuyên đề, thành tích xuất sắc đột xuất: Phòng Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

3. Quy trình xét khen thưởng cấp Nhà nước

a) Các danh hiệu thi đua; danh hiệu vinh dự nhà nước; các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước Quyết định.

b) Khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân huyện quản lý phải thông qua Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến bằng văn bản.

Mục 2

TUYỂN TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ

Điều 30. Quy định chung về tuyển trình và thủ tục, hồ sơ

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (trường hợp cá nhân là kiêm nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thì do cơ quan giữ chức vụ chính trình khen thưởng).

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác Đảng, tổ chức chính trị - xã hội: cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp huyện, do cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể chuyên trách công tác Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp xã, do cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Liên đoàn Lao động huyện khen thưởng và trình Liên đoàn Lao động tỉnh đối với: các ban, đơn vị sự nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do Liên đoàn Lao động huyện quản lý; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

4. Đối với các Hội: các Hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thuộc huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo thuộc Giáo hội huyện: do cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo các cấp xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp ngoài Huyện có thành tích đóng góp cho các ngành, địa phương trong huyện Tam Nông; do ngành, địa phương được thụ hưởng xem xét, trình Ủy ban nhân dân huyện tặng Giấy khen hoặc trình Tỉnh, Chính phủ khen thưởng (*nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn*).

7. Hiệp y khen thưởng

Ủy ban nhân dân huyện cho ý kiến hiệp y thành tích đối với những trường hợp do Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh yêu cầu.

- Đối với hồ sơ do Sở, ban, ngành tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân huyện hiệp y: Phòng Nội vụ có Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét (*kèm theo Công văn của Sở, ban, ngành tỉnh và báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng*).

- Đối với hồ sơ do cơ quan, đơn vị, địa phương ở huyện đề nghị hiệp y: Phòng Nội vụ có Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét (*kèm theo Tờ trình, Biên bản họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen và Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng*).

8. Đối với những cơ quan, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng (khen cấp Nhà nước). Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán

Đối với doanh nghiệp đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thuộc đối tượng kiểm toán phải có báo cáo kết quả kiểm toán (nếu chưa có báo cáo kết quả

kiểm toán thì sau khi có kết quả kiểm toán thực hiện trình khen thưởng theo quy định).

9. Quy định thời gian 02, 03, 05, 10 năm,... tiếp theo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì phải đủ 02, 03, 05, 10 năm,... trở lên mới được trình khen thưởng (trừ khen theo chuyên đề, đột xuất).

10. Mức đóng góp về công sức, đất đai, tài sản, vật chất được quy định để xem xét, tặng thưởng Giấy khen, Bằng khen cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ là chỉ một lần đóng góp hoặc cộng dồn trong năm đối với trường hợp mức đóng góp lớn.

11. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng:

- Đối với cá nhân (nông dân, công nhân, người lớn tuổi,..., tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

- Trong một hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau, mỗi tiêu chuẩn cần phải báo cáo thành tích khác nhau. Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định.

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cấp trình khen thưởng (*Kèm phụ lục xác nhận*).

(Báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

12. Hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng cấp Nhà nước: các đơn vị, địa phương đồng thời gửi các File điện tử của hồ sơ trình khen (ở định dạng .DOC đối với Tờ trình, Biên bản, Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị; ở định dạng .PDF đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến Phòng Nội vụ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

13. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp trình khen chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện. Cụ thể:

- Nội dung báo cáo thành tích.

- Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, tổ chức đảng, đảng viên (đối với tập thể có tổ chức đảng, cá nhân là đảng viên).

- Kết quả công nhận sáng kiến, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được kê khai trong báo cáo thành tích.

Điều 31. Thủ tục hồ sơ cấp huyện

1. Khen thưởng thường xuyên: nộp 01 bộ bản chính, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng (kèm theo danh sách) của đơn vị, địa phương đề nghị.

b) Biên bản bình xét và kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín của tập thể cơ quan, đơn vị (hoặc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp).

- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
- d) Các văn bản chứng minh kèm theo.

2. Đối với Khối, Cụm thi đua: nộp 01 bộ bản chính, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình (kèm theo danh sách) đề nghị khen thưởng của Trưởng Khối, Cụm.

- b) Biên bản bình xét; kết quả suy tôn của Khối, Cụm thi đua.
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị đề nghị khen thưởng.
- d) Các văn bản chứng minh kèm theo.

3. Khen thưởng theo chuyên đề: hồ sơ nộp 01 bộ bản chính, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.
- b) Biên bản họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị đề nghị.
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thưởng (đối với trường hợp đối tượng là nông dân thì chỉ cần tóm tắt trích ngang thành tích).
- d) Các văn bản có liên quan nội dung của chuyên đề thi đua.

Điều 32. Hồ sơ thủ tục cấp Nhà nước

1. Số lượng hồ sơ:

- Cờ thi đua Chính phủ; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc: **04** bộ bản chính (trường hợp có hiệp y với Bộ, ngành Trung ương thì tăng thêm 01 bản).

- Huân chương các loại: **05** bộ bản chính (Huân chương hạng nhất tăng thêm 01 bộ; trường hợp xin ý kiến hiệp y với Bộ, ngành Trung ương tăng thêm 01 bộ).

2. Hồ sơ, thủ tục gồm:

- a) Tờ trình của cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, xác nhận của cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh; các căn cứ đã được khen thưởng.
- d) Báo cáo tóm tắt Sáng kiến (đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc).
- e) Các văn bản chứng minh kèm theo.

Điều 33. Hồ sơ thủ tục đơn giản (thành tích xuất sắc, đột xuất theo Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng):

1. Khen thưởng cấp tỉnh: nộp 03 bộ.

2. Khen thưởng cấp Nhà nước: nộp 05 bộ.

3. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.
- b) Tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 34. Trình tự, thời gian thẩm định và thông báo kết quả trình khen

1. Thời gian xét và nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên:

a) Thời gian xét các Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Khối, Cụm thi đua huyện được xét sau khi kết thúc năm hành chính. Nộp hồ sơ về Phòng Nội vụ chậm nhất đến **ngày 30/12 hàng năm**.

b) Thời gian xét các Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo được xét sau khi kết thúc năm học. Nộp hồ sơ về Phòng Nội vụ chậm nhất đến **ngày 30/6 hàng năm**.

c) Đối với khen thưởng theo đợt hoặc theo chuyên đề gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc; khen thưởng đột xuất gửi sau 03 ngày phát hiện thành tích.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ:

a) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện: bộ phận, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại Tỉnh:

- Hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp Tỉnh 25 ngày: thời gian thẩm định tại Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc; tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước: sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình Chính phủ, Sở Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

3. Thông báo kết quả khen thưởng: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen.

Trì khen thưởng theo thành tích chuyên đề, thành tích xuất sắc đột xuất.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 35. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập Quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách Nhà nước, từ Quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 36. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc Tỉnh và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

Điều 37. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng trong quy định này được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (Giấy chứng nhận, Giấy khen, Huy hiệu, hộp, khung,...).

b) Chi tiền thưởng theo các quyết định khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

c) Phòng Nội vụ chi các khoản kinh phí để in ấn và làm hiện vật khen thưởng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm để cấp phát kèm theo các hình thức khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

d) Chi cho 02 Hội đồng:

- Chi chế độ làm việc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Mức chi không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/năm.

- Chi thẩm định sáng kiến cho thành viên Hội đồng Xét duyệt sáng kiến. Mức chi theo quy định hiện hành.

đ) Chi đóng góp Quỹ hoạt động Cụm thi đua của Tỉnh.

e) Chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng;... mức chi thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước, nhưng không vượt quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng.

f) Chi phí khác phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ thi đua, khen thưởng như: công tác phí, văn phòng phẩm và các khoản chi khác phục vụ cho công tác chỉ đạo; tập huấn,... nhưng không quá 2% tổng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc chi thưởng:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều Danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ: năm 2019, một cá nhân vừa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận Danh hiệu Lao động tiên tiến, vừa được công nhận Danh hiệu

Chiến sĩ thi đua cơ sở thì được nhận mức tiền thưởng cao nhất của Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều Danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các Danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các Danh hiệu thi đua.

Ví dụ: năm 2019, một cá nhân vừa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; vừa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thành tích xuất sắc 03 năm liên tục từ năm 2017, 2018, 2019 thì được nhận tiền thưởng của cả hai Danh hiệu.

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt Danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của Danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Ví dụ: năm 2019, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, vừa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2018, 2019 thì được nhận tiền thưởng cả hai.

e) Khen thưởng đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Tam Nông; người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài được khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm (không thưởng tiền).

f) Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, địa phương (Khen thưởng cho phong trào thi đua bảo đảm trật tự an toàn giao thông trích từ nguồn kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông từ ngân sách Tỉnh cấp hàng năm).

Điều 38. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua - khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý.

Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, Ủy ban nhân dân huyện uỷ quyền cho Phòng Nội vụ quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Ủy ban nhân dân xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng, đồng thời chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

Điều 39. Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức tiền thưởng kèm theo các Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân hệ số với mức lương cơ sở được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

c) Đối với trường hợp tặng Giấy khen,... thưởng kèm theo là tặng phẩm lưu niệm thì quyết toán theo giá trị thực tế của vật phẩm đó, không quyết toán theo mức thưởng của cá nhân hoặc tập thể theo quy định hiện hành. Nhưng không vượt quá mức tiền thưởng theo quy định của tập thể hoặc cá nhân.

Ví dụ: tặng Giấy khen của UBND tỉnh cho ông A, thưởng kèm theo là bức tranh trị giá 400.000 đồng, thì quyết toán đúng 400.000 đồng, không được quyết toán 450.000 đồng theo mức thưởng của cá nhân hiện hành.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (có Bảng phụ lục kèm theo).

Chương VI

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 40. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng Danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng Danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng Danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các Danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 41. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

Trung thực trong báo cáo thành tích; kê khai chính xác các quyết định công nhận sáng kiến, Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng, kết quả xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên,...(không được gian dối).

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Từ chối nhận Danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 42. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen, Danh hiệu thi đua thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

- a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng.
- b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tặng Danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, mà sau đó có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc có sai phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị tặng Danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm, khuyết điểm để hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng theo quy định (trừ những cá nhân đã hy sinh, tử trận).

5. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định (hồ sơ giao nộp gồm: công văn giao nộp; hiện vật, tiền thưởng,...).

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức phát động, hưởng ứng các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động; tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức bồi dưỡng, phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình tiên tiến. Tập thể, cá nhân được khen thưởng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm nêu gương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua; trao đổi, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này.

Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện (Phòng Nội vụ)

1. Có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động các phong trào thi đua trong phạm vi toàn Huyện; hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện các phong trào thi đua cho các ngành, địa phương.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành quy định nhận xét, đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng đối với tập thể thuộc Ủy ban nhân dân huyện để làm cơ sở xét khen thưởng (tương tự như cá nhân đã được đánh giá, xếp loại theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hiện hành).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quy định về công nhận sáng kiến trên địa bàn Huyện để công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến các cấp, áp dụng trong thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ vào các phong trào thi đua của Huyện phát động, căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh hàng năm, 5 năm và các nhiệm vụ chính trị đột xuất, quan trọng khác để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp mình về chủ trương, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức, kiểm tra các phong trào thi đua; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; thẩm định và kịp thời đề xuất các hình thức khen thưởng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị phát động phong trào thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Điều 45. Trách nhiệm của Trưởng phòng Nội vụ

Trưởng phòng Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này. Cơ quan Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện có trách nhiệm tham mưu, giúp Trưởng phòng triển khai thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn huyện. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, đôn đốc nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Quy định này.

Điều 46. Trách nhiệm của cơ quan thông tin truyền thông

1. Thường xuyên, kịp thời tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục để định hướng dư luận.

3. Phát hiện, cổ vũ, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua. Giới thiệu, đề cử với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xem xét, khen thưởng.

4. Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, góp phần hạn chế, đẩy lùi các mặt tiêu cực trong xã hội.

Điều 47. Điều khoản thực hiện

1. Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Đồng thời, ban hành quy định công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý làm cơ sở xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Riêng các Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các quy định xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn Huyện, được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và của ngành dọc cấp trên.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trích lập và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo hàng năm hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc huyện.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin căn cứ quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quy định công nhận Gia đình văn hóa; Khóm, Ấp văn hóa và các hình thức khen thưởng thuộc lĩnh vực văn hóa,...

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ) để nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam

MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO
CÁC DANH HIỆU THI ĐUA - HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
(thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017
có hiệu lực từ ngày 01/10/2017)

Thẩm quyền khen thưởng	Danh hiệu, Hình thức khen thưởng		Đối tượng, Hệ số khen thưởng	
	Danh hiệu	Hình thức	Tập thể	Cá nhân
Chủ tịch UBND xã, thị trấn	Lao động tiên tiến			0.3
		Giấy khen	0.3	0.15
	Gia đình văn hoá			0.1
Chủ tịch UBND huyện	Lao động tiên tiến/CSTT/ĐVTT		0.8	0.3
	Chiến sĩ cơ sở			1
		Giấy khen	0.6	0.3
	Xã, thị trấn văn hoá Ấp, xóm văn hoá		1.5	
Chủ tịch UBND tỉnh		Bằng khen	2	1
	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh			3
	Lao động xuất sắc/ĐVQT		1.5	
	Cờ Thi đua		8	
Thủ tướng Chính phủ		Bằng khen	7	3.5
	Chiến sĩ thi đua toàn quốc			4.5
Chính phủ	Cờ thi đua		12	
Chủ tịch nước	Huân chương Sao vàng		92	46
	Huân chương Hồ Chí Minh		61	30.5
	Huân chương Độc lập hạng Nhất		30	15
	Huân chương Độc lập hạng Nhì		25	12.5
	Huân chương Độc lập hạng Ba		21	10.5
	Huân chương Lao động hạng Nhất		18	9
	Huân chương Lao động hạng Nhì		15	7.5
	Huân chương Lao động hạng Ba		9	4.5
	Bà Mẹ Việt Nam anh hùng			15.5

*Hệ số * mức lương tối thiểu = (Số lẻ làm tròn số đến hàng chục ngàn)*